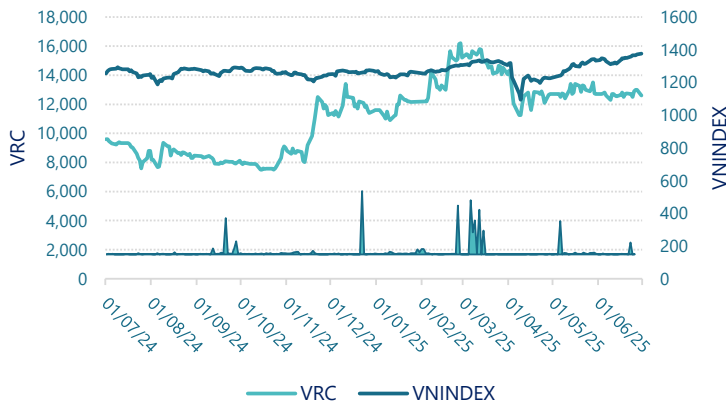




CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC (HSX: VRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,500
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,655
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	630
P/E	58.4
EPS	216

DT thuần

Q2/25

3.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.70 | 550%

YoY: ▼ 2.81 | -46.9%

LN sau thuế

Q2/25

0.42

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 9.23 | -95.6%

YoY: ▲ 0.45 | 1504%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

62.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

6T 2025

3.68

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 9.32 | -71.8%

LN sau thuế

6T 2025

10.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.07 | 874%

ROE

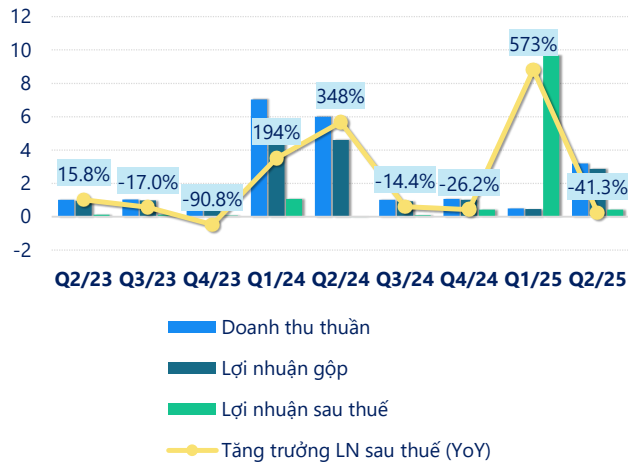
Q2/25

0.9%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

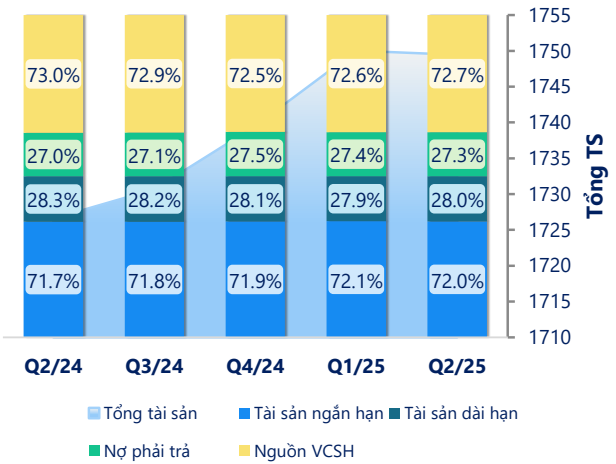
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

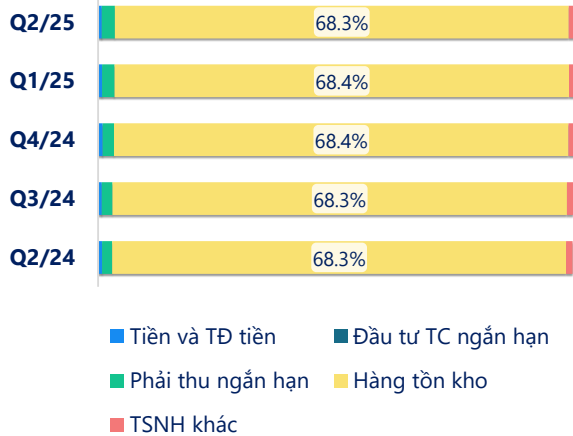
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



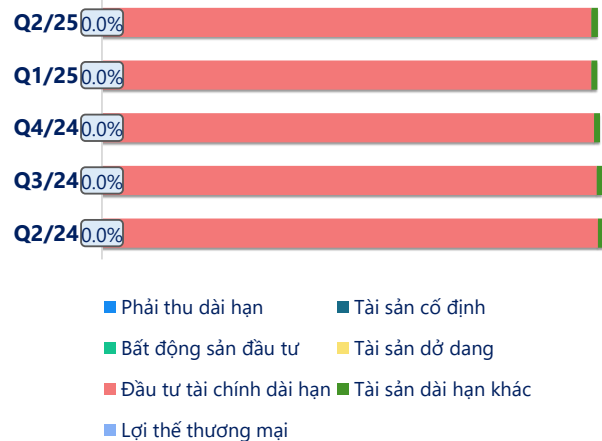
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

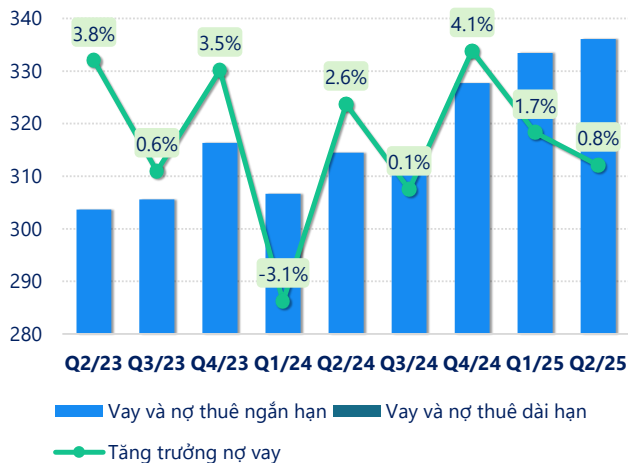
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

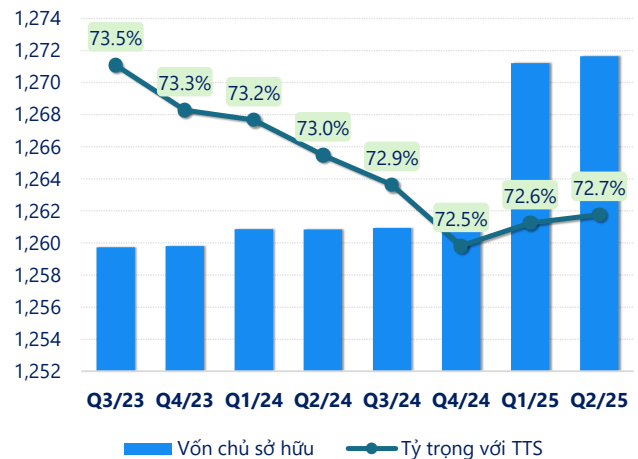
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

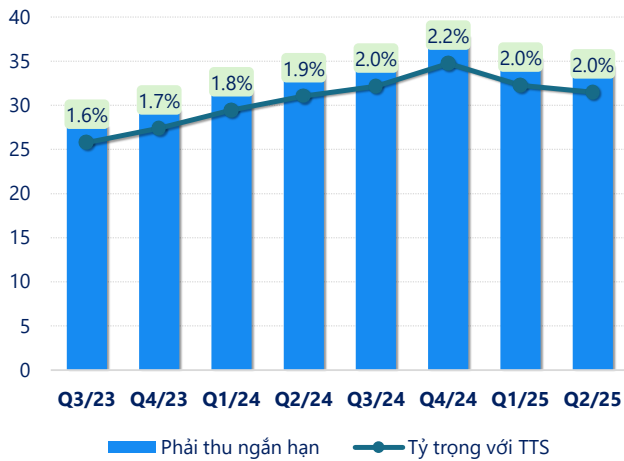
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

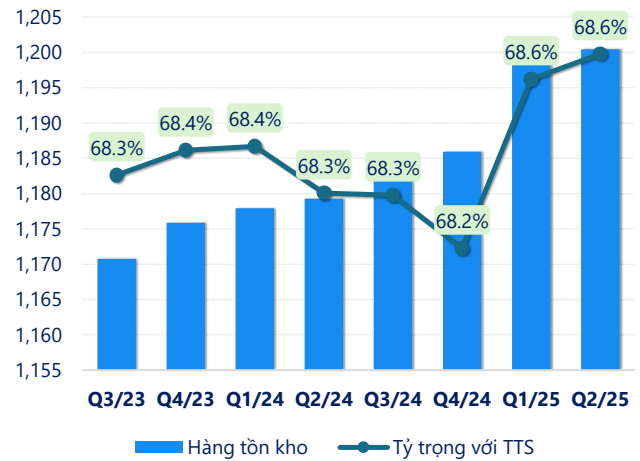
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

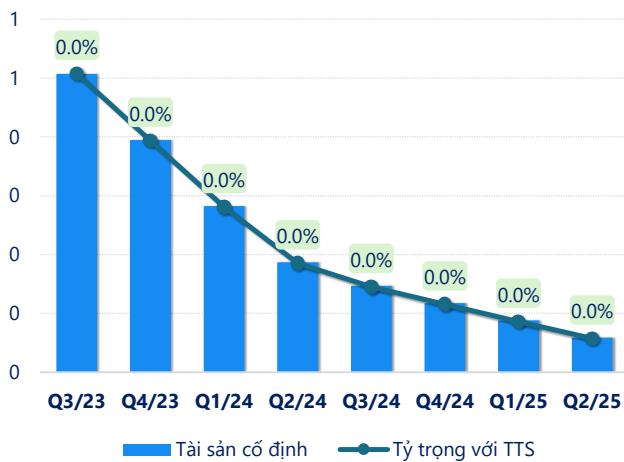
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

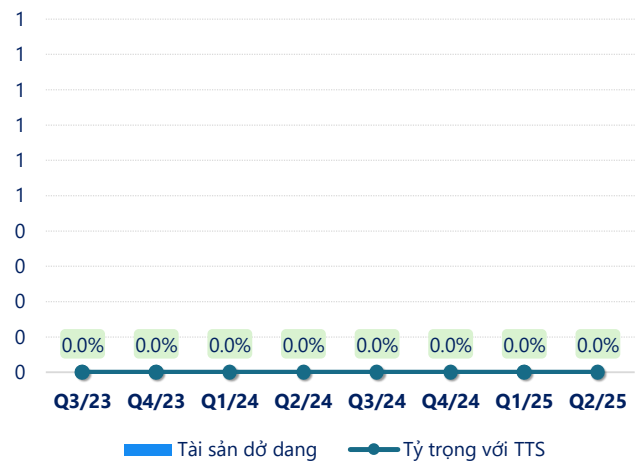
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

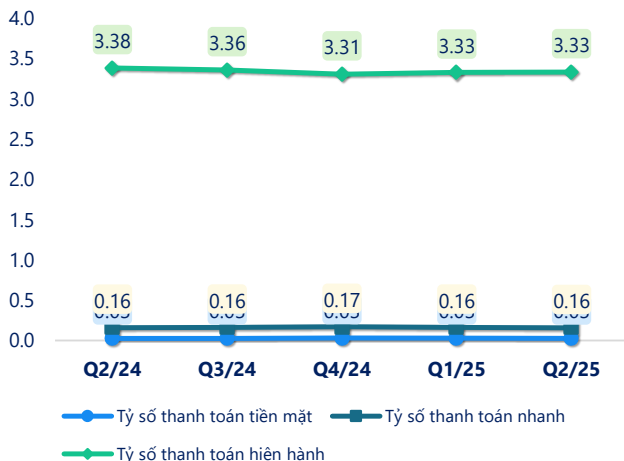
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



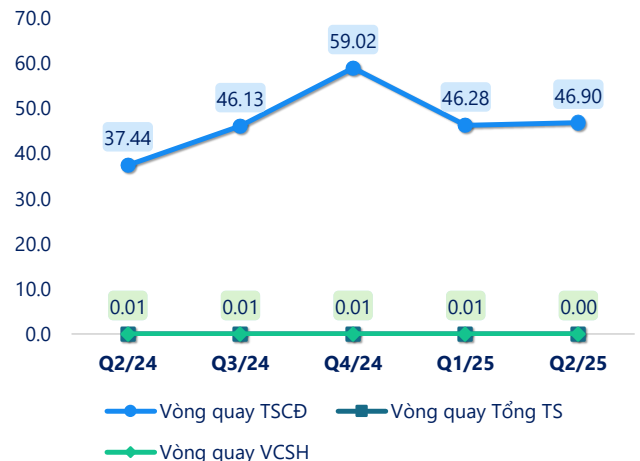
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,727	1,731	1,740	1,750	1,749
Tài sản ngắn hạn	1,238	1,242	1,251	1,261	1,260
Tiền và tương đương tiền	10.1	9.98	11.9	10.9	9.99
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	33.5	34.8	37.8	35.3	34.4
Hàng tồn kho	1,179	1,182	1,186	1,200	1,200
Tài sản ngắn hạn khác	15.2	15.3	15.1	15.1	15.0
Tài sản dài hạn	489	489	489	489	490
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.13	0.13
Tài sản cố định	0.19	0.15	0.12	0.09	0.06
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	483	483	483	483	483
Tài sản dài hạn khác	5.46	5.58	5.80	5.85	6.57
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	466	470	478	479	478
Nợ ngắn hạn	366	370	378	379	378
Vay và nợ thuê ngắn hạn	314	315	328	333	336
Phải trả người bán ngắn hạn	0.72	1.01	0.69	5.29	0.72
Nợ dài hạn	100	100	100	100	100
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,261	1,261	1,261	1,271	1,272
Vốn chủ sở hữu	1,261	1,261	1,261	1,271	1,272
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)